

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Medium

CLIMBER S3S

Giày an toàn năng ề m **soát** độ **bám** đư ợc iệ cản

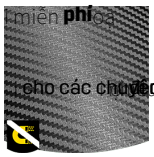
Giày an toàn CLIMBER nửa chiều **cao** nh i ệ ch **không** g **tĩnh** l điệ n . Chúng **mặt** đế m s **và** bảo v ệ đặc biệ t nh ờ phần **thân trên** ch ố n g nư ớc , hấp thụ **năng** l ư ợn g ở **gót chân** và khả **năng** ch ư ố ợ SR. g t



CO2 11.58 kg

117

Những vật liệu cao ấ may	Da l
lót bên tr i tái chế	lưới
trong Đ ệm **chân SJ** làm từ **mút tái chế** (96% vật liệu **tái chế**)	
iữa đế g ệt chống th Đ ng	
ngoài Đ	**PU**
u Đứng đầ ổng hợp	t
i Loạ	**S3S / SR, SC, FO, CI**
Phạm vi kích thước	**EU 35-49 / UK 3.0-13.5 / US 3.0-14.5 JPN 21.5-32.5 / KOR 230-325**
ng lượng t **thép**	**0.649 kg**
ẩn **hiệu** chu	**EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024**



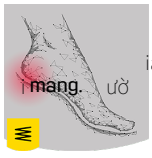
Kim l
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuy



SRC
rước là một trong những tính năng quan trọng của giày bảo hộ an toàn **SRC**. Để vượt qua cả bài SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.



Mặt **trên** chống nước **(WRU)**
ngấm không tiếp xúc lâu dài



hấp thụ **gót chân**
Sự hấp thụ năng lượng ở gót chân



chống **tĩnh** điện
Giày chống tĩnh điện ngăn chặn chúng



SJ BỌ
lót chân chống tĩnh

Công nghiệp n:

lĩnh vực ô tô, Xây dựng, Thực phẩm & Ngành công nghiệp

ường: Môi t

rường khô, bề mặt không bằng phẳng, môi trường ẩm ướt

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Đánh giày, chúng tôi khuyên bạn nên vệ sinh giày thường xuyên và bảo vệ chúng bằng cách phủ Không trên lò s

K

Sự miêu tả	EN ISO 20345	đơn vị đo lường
Những vật liệu, Da l cao cấp hơn		
Top: khả năng thấm hơi	? 0.8	9.35 mg/cm/giờ
Top: hiệu suất hơi	? 15	79 mg/cm2
ót bên trong	**tái** chế	
Lớp lót: thấm hơi	? 2	49.8 mg/cm/giờ
lót: hiệu suất hơi	? 20	398.8 mg/cm2
rong Đệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)		
đệm chân Độ bền mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800 chu kỳ
goài Đế **PU**		
Chống trượt (mài mòn) đế ngoài	? 150	77 mm
Chống trượt bề mặt - Ceramic + NaLS - Trước ướt về phía t	? 0.31	0.32 ma sát
rượt bề mặt - Gốm + NaLS - Trước khô về phía t	? 0.36	0.38 ma sát
rượt SRA - Gốm + Glycerin - Trước ướt phía t	? 0.19	0.20 ma sát
Chống trượt SRA - Gốm + Glycerin - Trước ướt về phía t	? 0.22	0.24 ma sát
rị chống tĩnh điện Giá trị	0.1 - 1000	79.3 megaohm
rị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A megaohm
Hấp thụ năng lượng gót chân	? 20	37 J
Đầu ngón chân		
Mũi giày an toàn chống va đập (khoảng cách sau va đập 100J)	N/A	N/A mm
Mũi bảo hộ chống nén (khoảng hở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A mm
Mũi giày an toàn chống va đập (khoảng cách sau va đập 200J)	? 14	15.5 mm
Mũi giày an toàn chống nén (khoảng hở sau khi nén 15kN)	? 14	23.0 mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi. Giày và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Sự miêu tả	đơn vị đo lường	Đơn giá
CO2 phát thải		
Vật liệu	9.30	kg
Bao bì	0.13	kg
ất Sản xuất	1.90	kg
Chuyên chở	0.26	kg
	11.58 kg CO2/cặp	

Sự miêu tả	Đơn giá
ệ vật liệu Tiêu **tái** chế	
Product	7%
Bao bì	99%

Tính toán CO2:
Các giá trị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com